

Bản án số: 64/2022/HS-ST  
Ngày: 06/6/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy
- *Hội thẩm nhân dân:*
  - 1/ Bà La Thị Thu Nga – Giáo viên hưu trí
  - 2/ Ông Văn Phú Hiên – Cán bộ hưu trí
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/TLST–HS ngày 05/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST–HS ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/HSST–QĐ ngày 11/5/2022, đối với các bị cáo:

**1/ Nguyễn Trung H**, sinh năm 1997 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp 07, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (trình độ học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T, sinh năm: 1973 và bà Trần Thị Kim L, sinh năm: 1976; Bị cáo là con đầu trong gia đình có 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/7/2021, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2/ Lê Trần HC**, sinh năm 1996 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp 07, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (trình độ học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng S, sinh năm: 1972 và bà Trần Thị Ngọc O, sinh năm: 1972; Bị cáo là con đầu trong gia đình có 02 người con. Bị



cáo có vợ là Lê Thị H, sinh năm: 1995 và 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/7/2021, bị cáo có mặt tại phiên tòa

**3/ Nguyễn Văn A**(tên gọi khác: Ken), sinh ngày 11/11/2003 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp 07, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: làm tóc; trình độ văn hóa (trình độ học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm; 1976 và bà Trần Thị Bích Đ, sinh năm: 1977; Bị cáo là con út trong gia đình có 02 người con; Bị cáo có vợ là Mai Huỳnh Y.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/7/2021, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn A: ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976 và bà Trần Thị Bích Đ, sinh năm: 1977; trú tại: ấp 07, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn A: ông Lê Văn Nam, Luật sư ký hợp đồng trợ giúp pháp lý, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Có mặt).

**4/ Nguyễn Công T**, sinh năm 1989 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp 07, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (trình độ học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công T, sinh năm; 1954 và bà Lê Thị Gái (chết); Bị cáo là con đầu trong gia đình có 04 người con. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hồng O, sinh năm: 1986 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/7/2021, bị cáo có mặt tại phiên tòa

**5/ Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1987 tại Bà Rịa Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp 04, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (trình độ học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh P (chết) và bà Trần Thị Mộng H, sinh năm: 1968; Bị cáo là con đầu trong gia đình có 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/7/2021, bị cáo có mặt tại phiên tòa

**6/ Nguyễn Văn B**, sinh năm 1997 tại Bà Rịa Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp 07, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp:



tài xế; trình độ văn hóa (trình độ học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm; 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1971; Bị cáo là con út trong gia đình có 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/7/2021, bị cáo có mặt tại phiên tòa

**7/ Nguyễn Văn L**, sinh năm 1992 tại Bà Rịa Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: ấp LG, xã BC, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (trình độ học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm; 1959 và bà Đỗ Thanh Nga, sinh năm: 1967; Bị cáo là con út trong gia đình có 04 người con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/7/2021, bị cáo có mặt tại phiên tòa

**8/ Nguyễn Thị HN**, sinh năm 1978 tại Lâm Đồng; Hộ khẩu thường trú: 453/63 đường Lê Văn Sỹ, phường 12, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh và nơi cư trú: ấp Thạnh Sơn 2A, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (trình độ học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N(chết) và bà Đỗ Âu Thị Thùy L, sinh năm: 1967; Bị cáo là con đầu trong gia đình có 04 người con. Bị cáo có chồng Nguyễn Tuấn V (chết) và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006 và nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/7/2021, bị cáo có mặt tại phiên tòa

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Huỳnh Đào XT, sinh ngày 11/10/2004 (Có mặt)

HKTT: Thôn BH, phường NT, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở: ấp TT, xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh BR – VT.

Đại diện hợp pháp cho Huỳnh Đào XT:

2/ Huỳnh Đào Xuân T, sinh năm 2002 (Có mặt)

HKTT: Thôn BH, phường NT, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở: ấp TT, xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh BR – VT.

3/ Nguyễn Thị B, sinh năm 1993; trú tại: ấp TT, xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

4/ Văn Thị L, sinh năm 1992; Trú tại: ấp TT, xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).



5/ Phạm Thị P, sinh năm 1995; Trú tại: ấp BT, xã BC, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

6/ Nguyễn Quang T, sinh năm 1973; Trú tại: ấp 07, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

7/ Trần Quốc D, sinh năm 1996; Trú tại: khu phố Phước An, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

8/ Phạm Quang P, sinh năm 1996; Trú tại: ấp NN, xã XM, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

9/ Đường Quốc T, sinh năm 1969; Trú tại: khu phố Thanh Sơn, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh BR – VT (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

10/ Bùi Thị N, sinh năm 1965; Trú tại: Tổ 03, ấp NH, xã XM, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trưa ngày 17/7/2021, các bị cáo Nguyễn Trung H, sinh năm 1997; Lê Trần HC, sinh năm 1996; Nguyễn Văn A, sinh ngày 11/11/2003; Nguyễn Công T, sinh năm 1989; Nguyễn Văn B, sinh năm 1997; Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1987; Nguyễn Văn L, sinh năm 1992 (gọi tắt: nhóm bị cáo H) đang ngồi nhậu tại nhà của bị cáo L thì bị cáo H rủ cả nhóm nhậu xong đi “bay” (đi sử dụng ma túy) và các bị cáo đồng ý. Để chuẩn bị địa điểm, bị cáo H đi ra ngoài gọi điện thoại cho bị cáo Nguyễn Thị HN để đặt phòng. Sau khi thỏa thuận giá thuê phòng và loại phòng cho thuê thì bị cáo N gọi điện thoại nói với bà Bùi Thị N là nhân viên quản lý của khách sạn “chút nữa có khách đến thuê phòng Master giá 2.000.000đ, cô lấy tiền trước; nhớ lấy 01 chứng minh nhân dân và yêu cầu khai báo y tế đầy đủ”.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo H điều khiển xe ô tô hiệu Honda Civic BKS 72A – 417.55 chở các bị cáo C, A, T, B, N và L đến khách sạn D để sử dụng ma túy. Trên đường đi, bị cáo H gọi lại cho bị cáo N hỏi thuê loa, đèn để nghe nhạc nhưng bị cáo N không có nên nhắn cho bị cáo H số điện thoại của anh Trần Quốc D để bị cáo H tự liên hệ. Do anh H không có nên anh H giới thiệu cho bị cáo H thuê của anh Phạm Quang P. Bị cáo H và anh Phú thỏa thuận giá thuê loa, đèn là 500.000đ và địa điểm tại khách sạn D.

Khi bị cáo H đã thuê được phòng và loa, đèn thì các bị cáo còn lại thống nhất góp mỗi bị cáo 1.000.000đ rồi giao cho bị cáo C giữ để đi mua ma túy sử



dụng và trả tiền thuê phòng. Mặc dù thống nhất bị cáo C là người giữ tiền mua ma túy nhưng bị cáo H là người gọi điện thoại cho một người tên “Linh” (không rõ lai lịch, địa chỉ) thỏa thuận mua nửa hộp 5 Khay (ma túy Ketamine) giá 3.800.000đ và 03 viên thuốc lắc (ma túy MDMA) giá 1.050.000đ và thống nhất địa điểm giao ma túy là tại Khách sạn D.

Khi anh Phú đưa loa, đèn tới thì bị cáo C là người trả tiền; bị cáo N là người nhận đưa lên phòng Master; bị cáo H là người trả tiền thuê phòng và nhận chìa khóa phòng. Khi bà N thấy đông người vào phòng Master thì bà N có điện thoại báo cho bị cáo N biết, bị cáo N có nói với bà N yêu cầu nhóm bị cáo H thuê thêm 01 phòng nữa với giá 400.000đ và bị cáo H đồng ý, rồi nói bị cáo C đưa chứng minh nhân dân của bị cáo C để thuê thêm phòng 101 (đối diện với phòng Master), nhưng thực chất các bị cáo chỉ vào phòng Master, còn phòng 101 để trống. Sau khi đã nhận phòng, bị cáo N xuống gặp bà N mượn 01 đĩa mang lên phòng, bị cáo Bằng cuộn tròn tờ tiền mệnh giá 10.000đ và cố định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá để làm dụng cụ sử dụng ma túy.

Khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, đối tượng tên Linh gọi điện cho bị cáo H để giao ma túy; bị cáo H nói bị cáo C đưa cho bị cáo N 4.800.000đ rồi ra ngoài giao tiền cho Linh và nhận ma túy. Sau khi mua được ma túy thì bị cáo C là người đổ ma túy Khay vào đĩa và dùng thẻ Master card chia thành nhiều phần nhỏ theo dạng đường kẻ; bị cáo Bằng chia 03 viên thuốc lắc mỗi viên thành 04 phần để sử dụng. Lúc này, bị cáo H nói với bị cáo N và bị cáo L gọi thêm tiếp viên nữ đến cùng sử dụng ma túy và nghe nhạc thì bị cáo L, Nam đồng ý.

Bị cáo H là người trực tiếp gọi điện cho Huỳnh Đào XT và nhờ Thảo rủ thêm Nguyễn Thị B và Huỳnh Đào Xuân T; bị cáo Bằng thì gọi điện thoại rủ Văn Thị L; bị cáo C thì gọi điện thoại rủ Phạm Thị P đến cùng sử dụng ma túy. Tại phòng Master, bị cáo H ngồi với Thảo và đưa ma túy Khay cho Thảo sử dụng; bị cáo L ngồi với Thùy và đưa ma túy Khay cho Thùy sử dụng; bị cáo N ngồi với Bích và đưa ma túy Khay cho Bích sử dụng; bị cáo Bằng ngồi với Lan và đưa ma túy Khay cho Lan sử dụng; bị cáo C, bị cáo T ngồi với Phương và bị cáo C đưa thuốc lắc và ma túy Khay cho Phương sử dụng. Ngoài ra, các tiếp viên nữ còn tự sử dụng ma túy thêm nhiều lần khác nữa. Riêng bị cáo A, mặc dù không gọi tiếp viên nhưng biết và đồng ý để các bị cáo khác gọi tiếp viên đến cùng sử dụng ma túy.

Trong lúc sử dụng ma túy, để tạo ảo giác, các bị cáo đã mở nhạc lớn và



đèn chiếu; khi bà N nghe trong phòng có tiếng nhạc lớn, bà N đã gọi điện thoại thông báo cho bị cáo N biết. Mặc dù bị cáo N biết là nhóm của bị cáo H đang sử dụng ma túy tại khách sạn của mình nhưng bị cáo N không nói cho bà N biết, bị cáo N chỉ nói để bị cáo N gọi điện cho bị cáo H. Một lúc sau, bà N vẫn nghe tiếng nhạc nên tiếp tục gọi điện thoại cho bị cáo N thì bị cáo N nói đã gọi cho bị cáo H nhưng không nghe máy, thực tế thì bị cáo N không gọi điện thoại cho bị cáo H.

Đến 17 giờ 00 phút cùng ngày, ông Đường Quốc T là nhân viên của khách sạn D nhận thay ca cho bà N. Khi nhận ca, ông T đã được bà N thông báo tình hình khách thuê tại khách sạn và có nhận từ bà N 2.000.000đ tiền thuê phòng Master (tiền thuê phòng 101 thì chưa thu).

Khi ông T nghe tiếng nhạc lớn trong phòng Master thì ông T đã gõ cửa nhắc các bị cáo rời đi xuống nhưng các bị cáo vẫn không giảm âm lượng nhạc. Bị cáo N có điện thoại cho ông T nhưng cũng không nói cho ông T biết việc nhóm bị cáo H đang sử dụng ma túy tại khách sạn.

Đến Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, qua công tác kiểm tra thì Công an thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc phát hiện nhóm bị cáo H và Huỳnh Đào Xuân T, sinh năm 2002, Huỳnh Đào XT, sinh ngày 11/10/2004; Nguyễn Thị B, sinh năm 1993; Văn Thị L, sinh năm 1992 và Phạm Thị P, sinh năm 1995 đang sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng Master của Khách sạn D, do bị cáo N làm chủ nên Công an đã lập biên bản.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 đĩa sứ đường kính 20 cm, trong đĩa còn dính một ít chất bột màu trắng nghi là ma túy dạng Khay; 01 đoạn ống hút được cuộn tròn bằng tờ tiền 10.000đ và cố định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 thẻ cứng; 02 túi Nilon; 01 bộ loa đèn. Ngoài ra, Thùy và Thảo còn tự giao nộp 01 gói nylon bên trong có hai nửa viên nén màu xám và Thùy khai nhận là thuốc lắc.

Căn cứ kết luận giám định số 384/KLGD-PC09 ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu kết luận:

- Mẫu chất kết tinh, không màu, trong suốt bám dính trên 01 đĩa sứ màu trắng, bám dính trong 01 đoạn ống hút được cuộn bằng tờ tiền 10.000đ và cố định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá, 01 thẻ cứng Master card màu vàng (mẫu A1) được niêm phong trong một túi nylon màu đỏ có tổng khối lượng 0,1476 gam, là ma túy loại Ketamine; Mẫu chất kết tinh bám dính trong 02 (hai) gói nylon (mẫu A2) được niêm phong trong cùng túi nylon màu đỏ nêu trên, không đủ để giám định, không xác định được khối lượng.



- Một viên nén lớn màu xám, không rõ hình dạng (mẫu A3) có khối lượng 0,1524 gam, là ma túy loại MDMA; 01 (một) viên nén nhỏ màu xám, không rõ hình dạng (mẫu A4) có khối lượng 0,1179 gam, là ma túy loại MDMA.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo H, Châu, A, T, B, N và L đã thừa nhận toàn bộ hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của các bị cáo. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các tiếp viên Thảo, Thùy, Bích, Lan và Phương. Đối với bị cáo N, ban đầu không thừa nhận hành vi “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng qua đấu tranh và tại phiên tòa thì bị cáo N thừa nhận bị cáo N biết và đồng ý cho nhóm bị cáo H thuê phòng Master với giá 2.000.000đ để sử dụng ma túy. Lời khai của bị cáo N phù hợp với lời khai của bị cáo H và những người liên quan khác.

Đối với hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Thùy và Thảo, Cơ quan điều tra Công an huyện Xuyên Mộc tách riêng để xử lý trước vì thời hạn điều tra ít hơn so với hành vi phạm tội của các bị cáo khác trong cùng vụ án. Tại Bản án số 14/2022/ HSST ngày 11/02/2022, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc đã xử phạt Thùy 15 tháng tù và Thảo 09 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

*\* Vật chứng của vụ án gồm:*

- 01 (một) phong bì đã được niêm phong ghi số vụ 384 ngày 23/7/2021, có hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là ma túy còn lại sau giám định, theo kết luận giám định số: 384/KLGD-PC09;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone màu hồng, số IMEIL: 3591750912254 và 700.000 đồng là tài sản riêng của Thảo, đã được Tòa án huyện Xuyên Mộc xử lý trong Bản án số 14/2022/1SST ngày 11/02/2022.

- Thu giữ của bị cáo N 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh đen, số IMEIL: 8659.6604.7835.752, bên trong có sim số: 0393299225 và số 0965516576 và số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

- Thu giữ của bị cáo H: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương, số sêri: 3506.1854.6191.169, bên trong có sim số: 091102269; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu Gold (vàng), số IMEL 35616609.6574.230, bên trong có sim số: 0356551220 và số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng).

- Đối với xe ô tô Honda Civic màu trắng, BKS: 72A-417.55, số máy: L15B74870572, số khung: 1680LT030106 tạm giữ của bị cáo H; Qua điều tra



cho thấy chiếc xe này là tài sản của ông Nguyễn Quang T, ông Tuấn mua nhưng để cho bị cáo H đứng tên trên giấy đăng ký xe; khi bị cáo H chở các bị cáo khác từ nhà bị cáo L đến khách sạn của bị cáo N thì các bị cáo chưa thực hiện hành vi tổ chức sử dụng ma túy nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc đã trả lại xe cho ông Tuấn.

- Thu giữ của bị cáo L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương, số seri: 3589.7909.0449.995, bên trong có sim số: 0979665042; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xám, số IMEI: 3513.3088.2023.738, bên trong có sim số: 0945722733 và số tiền 20.280.000đ (hai mươi triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng).

- Thu giữ của bị cáo Bằng: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen bị nứt màn hình, số IMEIL: 8606.6304.3980.874, bên trong có sim số: 0784656121.

- Thu giữ của bị cáo C: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu trắng, số IMEI: 3520.4807.3926.843, bên trong có sim số: 0938958100; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh bạc, số Sêri: 3580.1603.5469.182, bên trong có sim số: 0348668645.

- Thu giữ của bị cáo T: 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số Sêril: 355849094592038, bên trong có sim số 0374091012;

- Thu giữ của bị cáo N: 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax màu xanh, số IMEI: 355018171226825, bên trong có sim số: 0937507273 và số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) gồm 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đ.

- Thu giữ tại hiện trường: 01 (một) loa xách tay màu đen, hiệu Harman/Kardon, 01 (một) đèn chiếu Laser Show K10+ màu đen; 01 (một) túi ny lon được niêm phong ghi số vụ số: 384 ngày 23/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; 01 (một) đĩa sành màu trắng; 01 (một) thẻ cứng Master card không có tên và 02 (hai) túi Nilon.

\* Tại phiên tòa, trong phần tranh luận: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc trình bày ý kiến luận tội:

+ Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-XM ngày 05/4/2022 đối với các bị cáo H, Châu, A, T, B, N và L, về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (BLHS) và bị cáo N về tội



*“Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm d khoản 2, Điều 256 BLHS.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2021.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s, t, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2021

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2021

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Trần HC từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2021

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2021

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91 và Điều 101 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2021

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Công T từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2021

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị HN từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2021



**Hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

+ Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 Điện thoại di động Nokia màu xanh dương, số sêri: 3506.1854.6191.169; Tịch thu tiêu hủy sim số 0911022699; Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại Iphone màu Gold (vàng), số IMEI: 3561.6609.6574.230, bên trong có sim số 0356551220 và số tiền 1.800.000đ;

- Trả lại cho bị cáo N số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), 01 Điện thoại di động Vivo màu xanh đen, số IMEI1: 8659.6604.7835.752, bên trong có sim số: 0393299225 và số 0965516576;

- Trả lại cho bị cáo L 01 Điện thoại di động Nokia màu xanh dương, số sêri: 3589.7909.0449.995, bên trong có sim số: 0979665042; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax màu xám, số IMEI: 3513.3088.2023.738, bên trong có sim số: 0945722733 và số tiền 20.280.000đ;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 Điện thoại di động Oppo màu xanh đen bị nứt vỡ màn hình, số IMEI1: 8606.6304.3980.874, tịch thu tiêu hủy sim số: 0784656121 của bị cáo Bằng;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 Điện thoại di động Iphone 6 plus màu trắng, số IMEI: 3520.4807.3926.843; tịch thu tiêu hủy sim số: 0938.958.100; trả lại cho bị cáo C: 01 Điện thoại di động Nokia màu xanh bạc, số Sêri: 3580.1603.5469.182, bên trong có sim số: 0348668645

- Trả lại cho bị cáo T: 01 Điện thoại di động Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số Sêri1: 355849094592038, bên trong có sim số 0374091012;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax màu xanh, số IMEI: 355018171226825 và 2.000.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số: 0937.50.72.73 của bị cáo N;

- Trả lại cho anh Phú 01 loa xách tay màu đen, hiệu Harman/Kardon, 01 đèn chiếu Laser Show K10+, màu đen;

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ đầu lọc thuốc lá, 01 đĩa sành màu trắng, 01 thẻ cứng Master card không có tên và 02 (hai) gói nylon có bấm dính ma túy được niêm phong, có hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ghi vụ số: 384 ngày 23/7/2021 và tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 10.000đ (mười ngàn đồng).



\* Tại phiên Tòa, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn A: ông Lê Văn Nam, Luật sư ký hợp đồng trợ giúp pháp lý, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu trình bày:

Đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố đối với bị cáo A. Riêng điều khoản truy tố và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo A, thì ông Nam không đồng ý. Ông Nam cho rằng bị cáo A không biết việc các bị cáo khác rủ các tiếp viên (trong đó có tiếp viên chưa đủ tuổi) đến cùng sử dụng ma túy nên không đồng ý truy tố bị cáo A theo điểm c khoản 2 Điều 255 BLHS. Khi phạm tội, bị cáo A chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc vẫn giữ nguyên điều khoản truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo A, không có ý kiến bổ sung.

Bị cáo A và đại diện hợp pháp của bị cáo A thống nhất với phần trình bày của người bào chữa, không trình bày gì bổ sung.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1] Về tố tụng:** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Xuyên Mộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

### **[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:**

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, thể hiện:



Khoảng 18 giờ ngày 17/7/2021, bị cáo H đã rủ các bị cáo C, A, T, B, N và L cùng sử dụng ma túy. Sau khi được các bị cáo đồng ý, bị cáo H gọi điện thoại cho bị cáo N để đặt phòng.

Bị cáo N đồng ý cho bị cáo H thuê phòng Master và phòng 101 (đối diện với phòng Master) của Khách sạn Dại: số 108 đường 27/4, khu phố Phước An, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá 2.400.000đ. Các bị cáo thống nhất mỗi người góp 1.000.000đ để mua ma túy về sử dụng và trả tiền thuê phòng khách sạn cũng như thuê các vật dụng khác.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo H điều khiển xe ô tô hiệu Honda Civic BKS 72A – 417.55 chở các bị cáo còn lại đến khách sạn Để sử dụng ma túy. Trên đường đi, bị cáo H gọi điện thoại hỏi thuê loa, đèn mua ma túy từ một người tên “Linh” (không rõ lai lịch, địa chỉ) nửa hộp 5 Khay với giá 3.800.000đ và 03 viên thuốc lắc với giá 1.050.000đ; là người trả tiền thuê phòng cho bà N và nhận chìa khóa phòng.

Trong số các bị cáo còn lại, bị cáo C là người giữ tiền mua ma túy và trả tiền thuê loa, đèn cho anh Phú; bị cáo N là người nhận loa, đèn đưa lên phòng Master, là người đi gặp bà N mượn 01 đĩa sứ mang lên phòng phục vụ cho việc sử dụng ma túy và cũng là người đi nhận ma túy, trả tiền mua ma túy; bị cáo Bằng là người cuộn tròn tờ tiền mệnh giá 10.000đ và cố định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá để làm dụng cụ sử dụng ma túy; bị cáo C là người đổ ma túy Khay vào đĩa và dùng thẻ Master card chia thành nhiều phần nhỏ theo dạng đường kẻ; bị cáo Bằng chia 03 viên thuốc lắc mỗi viên thành 04 phần để sử dụng.

Khi đã hoàn thành xong khâu chuẩn bị ma túy, dụng cụ để sử dụng ma túy thì bị cáo H đề nghị với bị cáo N và bị cáo L gọi thêm tiếp viên nữ đến cùng sử dụng ma túy và nghe nhạc.

Bị cáo H là người trực tiếp gọi điện cho Thảo và nhờ Thảo rủ thêm Bích và Thùy; bị cáo Bằng thì gọi điện thoại rủ Lan; bị cáo C thì gọi điện thoại rủ Phương đến cùng sử dụng ma túy. Tại phòng Master, bị cáo H ngồi với Thảo và đưa ma túy Khay cho Thảo sử dụng; bị cáo L ngồi với Thùy và đưa ma túy Khay cho Thùy sử dụng; bị cáo N ngồi với Bích và đưa ma túy Khay cho Bích sử dụng; bị cáo Bằng ngồi với Lan và đưa ma túy Khay cho Lan sử dụng; bị cáo C, bị cáo T ngồi với Phương và bị cáo C đưa thuốc lắc và ma túy Khay cho Phương sử dụng. Ngoài ra, các tiếp viên nữ còn tự sử dụng ma túy thêm nhiều lần khác nữa. Riêng bị cáo A, mặc dù không gọi tiếp viên nhưng biết và đồng ý để các bị cáo



khác gọi tiếp viên đến cùng sử dụng ma túy.

Mặc dù bị cáo N biết là nhóm của bị cáo H đang sử dụng ma túy tại khách sạn của mình nhưng bị cáo N không nói cho bà N biết, dù bà N đã hai lần điện thoại để hỏi bị cáo N. Đến 17 giờ 00 phút cùng ngày, ông Tùng là nhân viên của khách sạn Nhận thay ca cho bà N. Khi nhận ca, bị cáo N cũng không nói cho ông Tùng biết việc nhóm bị cáo H đang sử dụng ma túy trong khách sạn.

Qua công tác kiểm tra, Công an thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc kiểm tra phát hiện các bị cáo và một số đối tượng khác đang sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng Master của Khách sạn Ddo bị cáo N làm chủ.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, hành vi của nhóm bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “Đối với 02 người trở lên” và “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS. Đối với hành vi của bị cáo N, dù biết nhóm bị cáo H thuê phòng để sử dụng ma túy nhưng vẫn chừa chấp nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 BLHS. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận cáo trạng số 37/CT-VKS-XM ngày 05/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo:**

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng: Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng thực hiện tội phạm, nhưng hành vi của các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cần phải có sự phân hóa vai trò để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo. Cũng như phải xem xét đến nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt phù hợp cho từng bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án, bị cáo H là người trực tiếp rủ rê các bị cáo khác sử dụng ma túy, là người trực tiếp liên hệ mua ma túy và thuê địa điểm, dụng cụ phục vụ cho việc sử dụng ma túy, đồng thời cũng là người khởi xướng việc gọi “tiếp viên” đến để cùng sử dụng ma túy nên vai trò của bị cáo H là nghiêm trọng nhất. Các bị cáo C, A, T, B, N và L là người hưởng ứng, tham gia tích cực cùng góp tiền để mua ma túy sử dụng và cung cấp ma túy cho một số người khác cùng sử dụng.



Các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác cho xã hội nhưng vì để thoả mãn nhu cầu cá nhân mà các bị cáo bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị, xã hội tại địa phương. Khi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Xét, cần áp dụng hình phạt nghiêm, nhằm mục đích cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đối với bị cáo N, mặc dù đã được bà N là người quản lý khách sạn thông báo cho biết tại phòng Master khách sạn Diamon do bị cáo N làm chủ có nhiều thanh niên nam nữ mở nhạc lớn; bị cáo N biết rõ là nhóm bị cáo H tổ chức sử dụng ma túy nhưng bị cáo N đã không có biện pháp ngăn chặn hoặc trình báo cơ quan chức năng mà bỏ mặc, khoảng hơn một tiếng sau khi Công an thị trấn Phước Bửu phát hiện lập biên bản thì bị cáo N mới từ cơ sở kinh doanh Karaoke khác của bị cáo N trở về. Do vậy, hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo N là hoàn toàn độc lập.

#### **[4] Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự:**

**[4.1] Tình tiết tăng nặng:** Trong vụ án này, tất cả các bị cáo đều được xác định là không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

**[4.2] Tình tiết giảm nhẹ:** Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo H, Châu, An, Bằng, Nam, Tính và Linh đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo có xuất thân từ thành phần lao động, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo C, An, Bằng, Nam, Tính và Linh phạm tội với vai trò không đáng kể nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo C, An, Bằng, Nam, Tính và Linh; Ngoài ra, trong số các bị cáo thì bị cáo A phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội cho bị cáo A. Bị cáo H đã khai ra hành vi phạm tội của bị cáo N, góp phần giúp cơ quan chức năng phát hiện và xử



lý tội phạm nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo H khi lượng hình.

Riêng bị cáo N, trong giai đoạn điều tra bị cáo xác định là chưa thành khẩn khai báo nên viện kiểm sát đề nghị không áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự; Tuy nhiên, tại phiên Tòa bị cáo N đã tỏ ra thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; Bản thân bị cáo N cũng chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo N khi lượng hình.

**[5] Về hình phạt bổ sung:**

- Xét thấy, các bị cáo H, Châu, An, Bằng, Nam, Tính và Linh tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy chỉ nhằm thỏa mãn cơn nghiện và thú chơi không lành mạnh của các bị cáo, không nhằm thu lợi bất chính nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho nhóm bị cáo H.

- Riêng bị cáo N mặc dù bị cáo cho các nhóm bị cáo H sử dụng ma túy tại cơ sở kinh doanh của mình để thu thuê tiền phòng; Theo quy định tại khoản 3 Điều 256 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính, “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét về điều kiện và hoàn cảnh của bị cáo N thì thấy: Chồng là ông Đỗ Tuấn Vũ đã mất vì tai nạn giao thông vào năm 2015 theo giấy chứng tử số 22 ngày 18/4/2022 của UBND xã Phước Thuận; Bị cáo có 03 người con lớn nhất sinh năm 2006 và nhỏ nhất sinh năm 2014. Tất cả các con đều trong độ tuổi ăn học, bị cáo hiện đang phải chấp hành án nên không có thu nhập, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo N.

**[6] Về xử lý vật chứng vụ án:**

- Bị cáo H sử dụng Điện thoại di động Nokia màu xanh dương để liên hệ đặt phòng, mua ma túy cũng như gọi tiếp viên đến cùng sử dụng ma túy nên tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với điện thoại di động Nokia màu xanh dương; Tịch thu tiêu hủy sim số 0911022699; Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại Iphone màu Gold (vàng), số IMEI: 3561.6609.6574.230, bên trong có sim số 0356551220 và số tiền 1.800.000đ;

- Trả lại cho bị cáo N số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), 01 Điện thoại di động Vivo màu xanh đen, số IMEI1: 8659.6604.7835.752, bên trong có sim số: 0393299225 và số 0965516576;



- Trả lại cho bị cáo L 01 Điện thoại di động Nokia màu xanh dương, số sêri: 3589.7909.0449.995, bên trong có sim số: 0979665042; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax màu xám, số IMEI: 3513.3088.2023.738, bên trong có sim số: 0945722733 và số tiền 20.280.000đ;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 Điện thoại di động Oppo màu xanh đen bị nứt vỡ màn hình, số IMEI: 8606.6304.3980.874, tịch thu tiêu hủy sim số: 0784656121 của bị cáo Bằng;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 Điện thoại di động Iphone 6 plus màu trắng, số IMEI: 3520.4807.3926.843 của bị cáo C; tịch thu tiêu hủy sim số: 0938.958.100; trả lại cho bị cáo C: 01 Điện thoại di động Nokia màu xanh bạc, số Sêri: 3580.1603.5469.182, bên trong có sim số: 0348668645

- Trả lại cho bị cáo T: 01 Điện thoại di động Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số Sêri: 355849094592038, bên trong có sim số 0374091012;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax màu xanh, số IMEI: 355018171226825 và 2.000.000 đồng thu giữ của bị cáo N; tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số: 0937.50.72.73;

- Trả lại cho anh Phú 01 loa xách tay màu đen, hiệu Harman/Kardon, 01 đèn chiếu Laser Show K10+, màu đen;

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ đầu lọc thuốc lá, 01 đĩa sành màu trắng, 01 thẻ cứng Master card không có tên và 02 (hai) gói nylon có bắm dính ma túy được niêm phong, có hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ghi vụ số: 384 ngày 23/7/2021 và tịch thu sung công quỹ nhà nước 10.000đ.

#### **[7] Các vấn đề khác:**

- Đối với người tên Linh (không rõ lai lịch) là người bị cáo H khai đã bán ma túy cho bị cáo H, do những thông tin về Linh chưa rõ ràng, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

- Đối với anh Dũng và anh Phú là người đã cho bị cáo H thuê loa, đèn nhưng không biết nhóm bị cáo H sử dụng vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không xem xét xử lý hình sự đối với anh Dũng và anh Phú.

- Đối với bà N và ông Tùng là nhân viên quản lý khách sạn, bà N và ông Tùng không viết việc nhóm bị cáo H đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong khách sạn nên không xem xét xử lý đối với bà N và ông Tùng.

**[8] Về án phí hình sự sơ thẩm:** Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.



Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung H, sinh năm 1997; bị cáo Lê Trần HC, sinh năm 1996; bị cáo Nguyễn Văn A(tên gọi khác: Ken), sinh ngày 11/11/2003; bị cáo Nguyễn Công T, sinh năm 1989; bị cáo Nguyễn Văn B, sinh năm 1997; bị cáo Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1987; bị cáo Nguyễn Văn L, sinh năm 1992 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị HN, sinh năm 1978 phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”

#### 1. Về Hình phạt chính và hình phạt bổ sung:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 BLHS năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung H **06 (sáu)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/7/2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo H;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Lê Trần HC **05 (năm)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/7/2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo C;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91 và Điều 101 BLHS 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn A **03 (ba) năm, 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/7/2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo A;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 BLHS 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công T **04 (bốn) năm, 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/7/2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo T;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 BLHS 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B **05 (năm)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/7/2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Bằng;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 BLHS 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc N **05 (năm)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/7/2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 BLHS 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L **04 (bốn) năm, 06**



(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/7/2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo L;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 BLHS 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị HN **06 (sáu)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/7/2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo N.

**2. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 Điện thoại di động Nokia màu xanh dương, số seri: 3506.1854.6191.169; Tịch thu tiêu hủy sim số 0911022699; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung H 01 điện thoại Iphone màu Gold (vàng), số IMEI: 3561.6609.6574.230, bên trong có sim số 0356551220 và số tiền 1.800.000đ (một triệu, tám trăm ngàn đồng);

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc N số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), 01 Điện thoại di động Vivo màu xanh đen, số IMEI1: 8659.6604.7835.752, bên trong có sim số: 0393299225 và số 0965516576;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 Điện thoại di động Nokia màu xanh dương, số seri: 3589.7909.0449.995, bên trong có sim số: 0979665042; 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax màu xám, số IMEI: 3513.3088.2023.738, bên trong có sim số: 0945722733 và số tiền 20.280.000đ (hai mươi triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng);

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 Điện thoại di động Oppo màu xanh đen bị nứt vỡ màn hình, số IMEI1: 8606.6304.3980.874, tịch thu tiêu hủy sim số: 0784656121 của bị cáo Nguyễn Văn B;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 Điện thoại di động Iphone 6 plus màu trắng, số IMEI: 3520.4807.3926.843; tịch thu tiêu hủy sim số: 0938.958.100; trả lại cho bị cáo Lê Trần HC: 01 Điện thoại di động Nokia màu xanh bạc, số Seri: 3580.1603.5469.182, bên trong có sim số: 0348668645

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Công T: 01 Điện thoại di động Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số Seri1: 355849094592038, bên trong có sim số 0374091012;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax màu xanh, số IMEI: 355018171226825 và 2.000.000đ (hai triệu đồng); tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số: 0937.50.72.73 của bị cáo Nguyễn Thị HN;



- Trả lại cho anh Phạm Quang P 01 loa xách tay màu đen, hiệu Harman/Kardon, 01 đèn chiếu Laser Show K10+, màu đen;

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ đầu lọc thuốc lá, 01 đĩa sành màu trắng, 01 thẻ cứng Master card không có tên và 02 (hai) gói nylon có bấm dính ma túy được niêm phong, có hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ghi vụ số: 384 ngày 23/7/2021 và tịch thu sung công quỹ nhà nước 10.000đ (mười ngàn đồng)

Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc theo quyết định chuyển vật chứng số 33/QĐ-VKS ngày 28/4/2022 và biên bản giao nhận vật chứng số 58/BB ngày 07/4/2022, chờ xử lý.

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Trung H; bị cáo Lê Trần HC; bị cáo Nguyễn Văn A; bị cáo Nguyễn Công T; bị cáo Nguyễn Văn B; bị cáo Nguyễn Ngọc N; bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Nguyễn Thị HN mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

**4.** Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TA ND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Công an tỉnh BR-VT (PV27);
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Thúy**